

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH
Về an ninh hàng không

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định về an ninh hàng không.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không; đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; lực lượng kiểm soát an ninh hàng không; kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị và phương tiện bảo đảm an ninh hàng không; kinh phí bảo đảm an ninh hàng không; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ngoài lãnh thổ Việt Nam nếu pháp luật của nước sở tại không có quy định khác; tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng ở vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

Chuyến bay chuyên cơ thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm an ninh hàng không là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, Chính phủ và ngành hàng không dân dụng Việt Nam nhằm bảo vệ tính mạng của con người, tài sản trong hoạt động hàng không dân dụng; bảo vệ tàu bay

và công trình, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay; đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng.

2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, biện pháp, quy trình, thủ tục an ninh hàng không được áp dụng phải đảm bảo an ninh tối đa cho mọi hoạt động hàng không dân dụng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận chuyển hàng không và phù hợp với các điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Công tác bảo đảm an ninh hàng không là trách nhiệm của tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.

Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không là dịch vụ công ích, do Bộ Giao thông vận tải tổ chức cung cấp.

4. Các sự cố, hành vi vi phạm quy định về an ninh hàng không phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý, báo cáo kịp thời, đầy đủ và được rút kinh nghiệm, giảng bình để khắc phục những sơ hở, thiếu sót.

5. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Kiểm soát an ninh hàng không là biện pháp bảo đảm an ninh hàng không để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho tàu bay, hành khách, tổ bay, những người dưới mặt đất, tài sản và công trình, trang bị, thiết bị của ngành hàng không.

2. Kiểm tra an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp biện pháp soi chiếu, kiểm tra trực quan và các biện pháp khác để nhận biết, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

3. Soi chiếu an ninh hàng không là việc sử dụng trang bị, thiết bị kỹ thuật hoặc biện pháp khác để phát hiện vũ khí, chất nổ hoặc vật phẩm nguy hiểm khác có thể được sử dụng để thực hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Giám sát an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, trang bị, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

5. Lục soát an ninh hàng không là việc kiểm tra chi tiết từng đồ vật, vị trí của đối tượng, người bị lục soát nhằm phát hiện, ngăn chặn vũ khí, chất nổ hoặc thiết bị, vật phẩm nguy hiểm khác để loại trừ yếu tố gây uy hiếp an ninh hàng không. Việc lục soát an ninh hàng không do người có thẩm quyền quyết định.

6. Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không là dịch vụ có thu liên quan đến việc thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, bao gồm: Kiểm soát an ninh hàng không; kiểm tra an ninh hàng không; soi chiếu an ninh hàng không; giám sát an ninh hàng không; lục soát an ninh hàng không; canh gác bảo vệ tàu bay; hộ tống người, phương tiện, đồ vật lưu giữ, di chuyển trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay.

7. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.

8. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay là tài liệu xác nhận phương tiện được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.

9. Thẻ nhận dạng tổ bay là tài liệu xác nhận, cho phép thành viên tổ bay của một hãng hàng không vào khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay để thực hiện chuyến bay.

10. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế riêng của đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không.

11. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ là tài liệu xác nhận phương tiện được phép vào, hoạt động trong khu vực hạn chế riêng của đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không.

Chương II **KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG**

Điều 5. Bảo vệ an ninh, quốc phòng trong hoạt động hàng không dân dụng

1. Các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh, quốc phòng tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh, quốc phòng tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở của ngành hàng không, bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, công an nhân dân, phòng, chống khủng bố và pháp luật khác có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình triển khai thực hiện công tác bảo vệ an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan công an triển khai các biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở của ngành hàng không.

Điều 6. Thiết lập và bảo vệ khu vực hạn chế

1. Cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không phải thiết lập các khu vực hạn chế. Việc thiết lập khu vực hạn chế phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không, tính chất hoạt động hàng không dân dụng và không gây cản trở cho người, phương tiện vào, ra và hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế.

2. Người, phương tiện vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc thẻ giám sát viên an ninh, an toàn hàng không do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp là hành khách đi tàu bay hoặc trong trường hợp khẩn nguy sân bay.

3. Người, phương tiện vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không liên tục; trường hợp cần thiết theo quy định phải được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp khẩn nguy.

4. Khu vực hạn chế phải được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không thích hợp.

5. Đối với khu vực quân sự tiếp giáp với khu vực hạn chế tại sân bay dùng chung, lực lượng quân đội phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ.

6. Đối với sân bay chuyên dùng, người khai thác sân bay hoặc người khai thác tàu bay tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ sân bay.

Điều 7. Bảo vệ khu vực công cộng thuộc cảng hàng không, sân bay

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay thiết lập các chốt canh gác, tổ chức tuần tra, kiểm soát, duy trì trật tự tại các khu vực công cộng thuộc cảng hàng không, sân bay; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, vi phạm trật tự công cộng, hành lý vô chủ, người hoặc đồ vật có dấu hiệu uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Công an tổ chức tuần tra canh gác chung để duy trì, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội tại khu vực công cộng thuộc cảng hàng không, sân bay.

Điều 8. Bảo vệ khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không

1. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không có trách nhiệm quản lý địa bàn, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo loạn, cướp phá cảng hàng không, sân bay và cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không, tấn công tàu bay trong giai đoạn cất cánh, hạ cánh.

2. Công an cấp phường, xã nơi có cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuần tra khu vực lân cận bên ngoài cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

Điều 9. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại địa bàn quản lý của cảng hàng không, sân bay thực hiện lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.

2. Việc lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được thực hiện đối với tàu bay, hành khách, thành viên tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm trên tàu bay trong trường hợp có thông tin trên tàu bay có vật phẩm nguy hiểm mà chưa được phát hiện, xác định trong quá trình kiểm tra, soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay.

3. Trường hợp có người trên tàu bay phát ngôn đe dọa an toàn của chuyến bay, việc lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được thực hiện đối với tàu bay, người có hành vi phát ngôn và hành lý của người đó.

4. Việc lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được thực hiện khi kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, phương tiện mà phát hiện dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa đến an ninh, an toàn của chuyến bay.

5. Trường hợp có người tại điểm kiểm tra soi chiếu hoặc trong khu vực hạn chế phát ngôn đe dọa an toàn của chuyến bay, thực hiện ngay việc lực lượng kiểm soát an ninh hàng không đối với người có hành vi phát ngôn và hành lý, đồ vật của người đó.

6. Trường hợp tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế khác phát hiện hành lý, đồ vật không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, thực hiện ngay việc lục soát an ninh hàng không đối với hành lý, đồ vật đó.

7. Không thực hiện lục soát an ninh hàng không đối với trường hợp được hưởng các quyền bất khả xâm phạm thân thể theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy định về lục soát an ninh hàng không

1. Người có thẩm quyền quyết định việc lục soát an ninh hàng không, đối tượng và phạm vi lục soát an ninh hàng không bao gồm:

a) Người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Người đứng đầu bộ phận kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 9 của Nghị định này;

c) Người đứng đầu bộ phận an ninh kiểm soát, an ninh cơ động tại cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định này.

2. Việc lục soát an ninh hàng không đối với tàu bay phải được thông báo người khai thác tàu bay, cảng vụ hàng không liên quan và chịu sự giám sát của Cảng vụ hàng không.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp thực hiện lục soát an ninh hàng không. Hãng hàng không liên quan có trách nhiệm cử nhân viên thợ kỹ thuật tàu bay tham gia, tư vấn trong quá trình lục soát an ninh tàu bay.

4. Đối với lục soát người phải đảm bảo nam lục soát nam, nữ lục soát nữ.

5. Việc lục soát an ninh hàng không phải được lập biên bản lục soát.

Điều 11. Kiểm soát an ninh hàng không đối với tàu bay và khai thác tàu bay

1. Trước mỗi chuyến bay, người khai thác tàu bay phải tổ chức kiểm tra an ninh bên trong và bên ngoài tàu bay nhằm phát hiện những vật phẩm nguy hiểm, người và vật nghi ngờ.

2. Khi hành khách rời khỏi tàu bay tại bất cứ điểm dừng nào của chuyến bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra lại để bảo đảm hành khách đã xuống khỏi tàu bay và không để lại hành lý hoặc bất cứ vật gì trên tàu bay.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay tổ chức giám sát, bảo vệ tàu bay bằng các biện pháp thích hợp khi tàu bay đỗ tại sân bay. Tại sân bay chuyên dùng không có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không hoặc tàu bay đỗ ngoài sân bay, người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, bảo vệ tàu bay, ngăn chặn việc đưa người, đồ vật trái phép lên tàu bay.

4. Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay phải tổ chức giám sát an ninh hàng không, bảo vệ tàu bay trong suốt quá trình sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay tại cơ sở.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của các hãng hàng không Việt Nam phải tổ chức kiểm soát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn về an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay, của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không liên quan; tổ chức kiểm tra an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hoá bằng biện pháp thích hợp đối với hoạt động khai thác tàu bay của hãng bên ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

6. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, duy trì trật tự, kỷ luật của chuyến bay; áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn cho chuyến bay; phối hợp với nhân viên an ninh trên không được bố trí trên chuyến bay để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thích hợp; bàn giao vụ việc, người vi phạm, tang vật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay.

7. Ngay khi nhận được thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của tàu bay, chuyến bay, người khai thác tàu bay phải thông báo kịp thời cho lực lượng khẩn nguy sân bay tại cảng hàng không, sân bay liên quan và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho chuyến bay.

8. Thành viên tổ bay có trách nhiệm tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật của chuyến bay.

9. Trường hợp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định chuyến bay có khả năng xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp hoặc theo yêu cầu của quốc gia nơi tàu bay đến, lực lượng an ninh trên không phải được bố trí trên chuyến bay đó.

10. Lực lượng an ninh trên không thuộc tổ chức, biên chế của Bộ Công an. Chi phí cho việc bố trí nhân viên an ninh trên không trên chuyến bay do người khai thác tàu bay đảm bảo.

11. Nhân viên an ninh trên không được trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thích hợp; chịu sự chỉ huy chung của người chỉ huy tàu bay. Khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp trên chuyến bay, nhân viên an ninh trên không hành động theo Quy tắc do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành.

Điều 12. Kiểm soát an ninh hàng không đối với tổ bay, hành khách và hành lý

1. Tổ bay, hành khách xuất phát, quá cảnh, nối chuyến, hành lý trước khi lên tàu bay phải được kiểm tra giấy tờ đi tàu bay, phải qua kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không; sau khi kiểm tra, soi chiếu phải được cách ly, giám sát an ninh hàng không liên tục cho tới khi lên tàu bay. Trường hợp người, hành lý đã qua kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không mà có tiếp cận hoặc để lẫn với người, hành lý chưa qua kiểm tra, soi chiếu hoặc hành lý ký gửi có dấu hiệu bị can thiệp trái phép thì phải kiểm tra, soi chiếu lại.

2. Hành khách không được mang theo người hoặc để trong hành lý xách tay, hành lý ký gửi những vật phẩm nguy hiểm khi đi tàu bay, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay nhưng không có hành khách đi cùng trên chuyến bay phải được đưa xuống khỏi tàu bay trước khi chuyến bay khởi hành, trừ trường hợp được xác định là hành lý ký gửi được phép chuyên chở không cùng hành khách theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Dữ liệu thông tin về hành lý ký gửi chuyên chở không cùng hành khách phải được người khai thác tàu bay cập nhật, lưu giữ theo thời hạn quy định.

4. Hành lý thất lạc, nhầm địa chỉ phải được kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không trước khi đưa vào khu vực lưu giữ và trước khi được đưa lại lên tàu bay.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không quy định tại các Khoản 1, 2 và 4 của Điều này.

Đối với hoạt động khai thác hàng không chung vì mục đích thương mại tại sân bay chuyên dùng, người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra an ninh tổ bay, hành khách, hành lý, đồ vật trên tàu bay và các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không khác.

Điều 13. Kiểm soát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi

1. Hàng hoá, bưu gửi vận chuyển bằng đường hàng không phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không liên tục trước khi được đưa lên tàu bay; trường hợp phát hiện hàng hóa, bưu gửi đã qua soi chiếu có dấu hiệu bị can thiệp trái phép thì phải được kiểm tra, soi chiếu lại.

2. Các doanh nghiệp liên quan đến vận chuyển hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không phải thực hiện các biện pháp nhằm loại trừ việc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm trái phép.

3. Kiểm tra, soi chiếu, lục soát an ninh hàng không đối với túi thư ngoại giao, túi thư lãnh sự phải tuân thủ quy định của các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam về ngoại giao, lãnh sự.

4. Vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều kiện về vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng đường hàng không của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 của Điều này.

Điều 14. Kiểm soát an ninh hàng không đối với suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay và các đồ vật khác đưa lên tàu bay

1. Doanh nghiệp cung cấp suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không đối với suất ăn, nhiên liệu cho tàu bay, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên tàu bay tại cơ sở của doanh nghiệp.

2. Suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay và các đồ vật khác chịu sự kiểm tra an ninh hàng không thích hợp khi vào khu vực hạn chế, đưa lên tàu bay; chịu sự giám sát an ninh hàng không liên tục của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 15. Vận chuyển và mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ trên tàu bay

1. Không được phép mang theo người vũ khí, công cụ hỗ trợ lên khoang hành khách của tàu bay, trừ các trường hợp sau đây:

a) Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ có nhiệm vụ bảo vệ đối tượng cảnh vệ theo quy định của pháp luật về cảnh vệ; nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam theo Quy chế do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành;

b) Nhân viên an ninh trên không mang theo vũ khí trên các chuyến bay của hãng hàng không nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Cục Hàng không Việt Nam và nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan;

c) Nhân viên bảo vệ pháp luật trên các chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài sau khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an;

d) Cán bộ áp giải được phép mang theo công cụ hỗ trợ thích hợp lên tàu bay khi thực hiện nhiệm vụ áp giải bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã, người bị từ chối nhập cảnh.

2. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về tên, chỗ ngồi, loại vũ khí, công cụ hỗ trợ của người được phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên chuyến bay; những người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên cùng chuyến bay phải được thông báo vị trí ngồi của nhau. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên tàu bay không được sử dụng đồ uống có cồn, chất kích thích trong suốt chuyến bay; có trách nhiệm duy trì vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn.

3. Các đối tượng không thuộc quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 của Điều này được phép làm thủ tục ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ để vận chuyển theo chuyến bay theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Khi làm thủ tục chấp nhận vận chuyển, người khai thác tàu bay phải bảo đảm vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn, cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ ở vị trí hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

4. Người được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên khoang hành khách, người ký gửi vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ phải xuất trình giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phù hợp còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 16. Vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không

1. Đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không bao gồm:

a) Người mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình;

b) Người bị từ chối nhập cảnh nhưng không tự nguyện về nước;

c) Bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này không được cung cấp đồ uống có cồn, chất kích thích trong suốt chuyến bay; tổ bay phải giám sát liên tục trong suốt chuyến bay và áp dụng các biện pháp bổ sung cần thiết khác.

3. Đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này khi vận chuyển phải có người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp giải; số lượng hành khách quy định tại Khoản 1 Điều này được vận chuyển trên cùng một chuyến bay do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

4. Đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này khi vận chuyển về nước, hãng hàng không phải bố trí nhân viên an ninh áp giải trên chuyến bay.

5. Không vận chuyển hành khách được quy định tại Khoản 1 Điều này trên các chuyến bay có đối tượng cảnh vệ.

Điều 17. Từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh

Hãng hàng không có quyền từ chối vận chuyển các hành khách sau đây vì lý do an ninh:

1. Hành khách quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 của Nghị định này.

2. Trường hợp không đáp ứng được quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.

3. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh nhưng không tự nguyện về nước không do hãng hàng không vận chuyển vào Việt Nam.

4. Theo yêu cầu của nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài.

Điều 18. Cấm vận chuyển bằng đường hàng không

1. Cấm vận chuyển có thời hạn từ 03 đến 12 tháng đối với các đối tượng sau đây:

a) Hành khách gây rối;

b) Không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

c) Phát ngôn mang tính đe dọa sử dụng bom, mìn, chất nổ, vật liệu nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh học trong khu vực làm thủ tục vận chuyển, khu vực cách ly, sân bay, trên tàu bay;

d) Cố ý tung tin, cung cấp thông tin sai về việc có bom, mìn, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh hóa học gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hoạt động hàng không dân dụng;

đ) Sử dụng giấy tờ giả để đi tàu bay;

e) Có hành vi vi phạm trật tự công cộng, kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay.

2. Cấm vận chuyên có thời hạn trên 12 tháng đến 24 tháng đối với các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng đã bị xử lý nhưng vẫn vi phạm một trong những hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng quy định tại các Điểm đ, e, g và h Khoản 2 Điều 190 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

3. Cấm vận chuyên vĩnh viễn đối với các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng đã bị xử lý nhưng vẫn vi phạm một trong những trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều này;

b) Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều 190 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

c) Chiếm đoạt, gây bạo loạn tại cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ điều hành bay.

4. Căn cứ tính chất mức độ vi phạm, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấm vận chuyên có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với các đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 của Điều này. Quyết định cấm vận chuyên được áp dụng đối với các chuyến bay nội địa, chuyến bay quốc tế xuất phát từ Việt Nam của tất cả các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài.

Điều 19. Thu thập thông tin và đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không

1. Việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, những thủ đoạn, phương thức uy hiếp an ninh hàng không phải được thiết lập giữa các cơ quan liên quan của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính.

2. Hệ thống kiểm soát an ninh hàng không phải được hoàn thiện, nâng cấp, đáp ứng kịp thời đối phó với nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không.

Điều 20. Kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

1. Khi có nguy cơ cao đối với an ninh hàng không, các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường được thực hiện theo 3 cấp độ, bao gồm: cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3.

2. Cấp độ 1 được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Có sự kiện chính trị, xã hội trọng đại của đất nước;
- b) Có tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội phức tạp.

3. Cấp độ 2 được áp dụng trong trường hợp sau đây:

a) Có thông tin tình báo về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng nhưng chưa xác định địa điểm, mục tiêu, thời gian cụ thể;

b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội nghiêm trọng tại địa phương.

4. Cấp độ 3 được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Có thông tin xác thực về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng có địa điểm, mục tiêu, thời gian cụ thể;

b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội đặc biệt nghiêm trọng tại địa phương.

5. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định áp dụng, hủy bỏ cấp độ kiểm soát an ninh hàng không tăng cường, đồng thời báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường được áp dụng cho từng cấp độ phải được quy định cụ thể trong các Chương trình, Quy chế an ninh hàng không.

Điều 21. Kiểm soát tài liệu an ninh hàng không

1. Tài liệu an ninh hàng không là tài liệu hạn chế, phải được kiểm soát và bảo vệ thích hợp, chỉ phổ biến đến tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục, nguyên tắc quản lý, sử dụng tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

Điều 22. Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

1. Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải ban hành quy định về kiểm soát an ninh nội bộ, bao gồm các biện pháp xác minh, định kỳ thực hiện đánh giá nhân thân đối với nhân viên hàng không khi tuyển dụng, đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn và quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm soát an ninh nội bộ của doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không; tạm thời đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không có dấu hiệu vi phạm pháp luật, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc theo yêu cầu của cơ quan an ninh thuộc Bộ Công an.

3. Cơ quan an ninh thuộc Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra nhân thân đối với nhân viên hàng không là người nước ngoài.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không.

Điều 23. Bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không

1. Cơ quan, đơn vị quản lý hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải thực hiện các biện pháp bảo vệ, chống lại hành vi truy cập, can thiệp, sử dụng trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin.

2. Các hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải được bảo vệ bao gồm:

a) Hệ thống thông tin phục vụ công tác bảo đảm hoạt động bay;

b) Hệ thống kiểm soát khởi hành;

c) Hệ thống giữ chỗ và làm thủ tục hành khách;

d) Hệ thống đối chiếu đồng bộ hành lý với hành khách; hệ thống soi chiếu an ninh; hệ thống thông tin hành khách trước chuyến bay; hệ thống camera giám sát và cảnh báo xâm nhập;

đ) Các hệ thống chỉ huy điều hành, điện văn chuyên ngành hàng không;

e) Hệ thống cơ sở dữ liệu hàng không và những hệ thống công nghệ thông tin khác nếu có sự can thiệp trái phép sẽ gây mất an toàn cho hoạt động hàng không.

3. Hãng hàng không có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của hành khách; chỉ được sử dụng cho mục đích khai thác của hãng và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 24. Tuyên truyền bảo đảm an ninh hàng không

1. Cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, nhân viên ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không.

2. Chính quyền địa phương nơi có cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không.

3. Hãng hàng không có trách nhiệm thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về an ninh hàng không cho hành khách đi tàu bay.

Điều 25. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

1. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không là hoạt động kiểm tra, đánh giá việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động hàng không dân dụng; quản lý rủi ro về an ninh hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam chịu sự thanh tra, kiểm tra của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế; chịu sự đánh giá của nhà chức trách hàng không nước ngoài về công tác bảo đảm an ninh hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong ngành hàng không; bổ nhiệm Giám sát viên an ninh hàng không để thực hiện việc kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

4. Các doanh nghiệp có chương trình an ninh và quy chế an ninh hàng không phải thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp; chịu sự kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam; chịu sự đánh giá của nhà chức trách hàng không nước ngoài, hãng hàng không có liên quan.

Chương III

ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 26. Mục đích, yêu cầu và phương châm chỉ đạo đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Chủ động ngăn chặn và đối phó có hiệu quả, hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; ưu tiên bảo đảm an toàn cho tính mạng con người; ưu tiên bảo đảm an toàn tính mạng cho con tin và chỉ sử dụng biện pháp vũ trang cần thiết khi không còn cách giải quyết nào khác.

2. Ưu tiên về điều hành bay và các trợ giúp cần thiết khác đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

3. Duy trì tối đa khả năng hoạt động bình thường tại nơi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp Công ước quốc tế về hàng không dân dụng và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Thực hiện nguyên tắc 4 tại chỗ, bao gồm: Phương án đối phó tại chỗ; lực lượng tại chỗ; trang thiết bị tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

Điều 27. Biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Việc đối phó trực tiếp với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng được thực hiện theo quy định tại Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại các địa phương nơi có cảng hàng không, sân bay và các công trình, trang bị, thiết bị hàng không thực hiện nhiệm vụ chỉ huy, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

LỰC LƯỢNG KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 28. Vị trí, chức năng và tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không do Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo tổ chức để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và cơ sở xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu nằm ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

3. Doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay.

4. Hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không trên tàu bay và hoạt động khai thác tàu bay bên ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

Điều 29. Yêu cầu đối với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Có hệ thống tổ chức độc lập.
2. Những người đứng đầu của các bộ phận thuộc hệ thống không kiêm nhiệm và được phê chuẩn theo quy định.
3. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện, cấp giấy phép theo quy định.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Tổ chức thực hiện Chương trình, Quy chế an ninh hàng không liên quan; thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không theo thẩm quyền.
2. Đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cơ sở liên quan. Bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh hàng không, can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.
3. Đề nghị Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không đình chỉ thực hiện chuyến bay nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh, an toàn đối với chuyến bay.
4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng để rà, phá, xử lý bom, mìn, vũ khí sinh học, hóa học, chất phóng xạ; ngăn chặn dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay; xử lý hành lý, hàng hóa, bưu gửi và các đồ vật khác chứa vật phẩm nguy hiểm.
5. Khi thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền được phép tạm giữ người, kiểm tra, tạm giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào khu vực hạn chế; cưỡng chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối.
6. Lập biên bản vụ việc đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không, hành khách gây rối; thông báo cho Cảng vụ hàng không liên quan để xử lý hoặc chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật; yêu cầu hãng hàng không từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh theo quy định.

7. Được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ.

8. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 31. Chế độ, chính sách đối với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được hưởng lương và các quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thương, bị hy sinh thì được xem xét công nhận hưởng chế độ như thương binh, liệt sĩ và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ TRANG BỊ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 32. Yêu cầu về kết cấu hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay

1. Có hệ thống hàng rào vành đai, hệ thống cảnh báo xâm nhập, chốt gác, cổng cửa, đường tuần tra, hệ thống chiếu sáng an ninh, hệ thống camera giám sát an ninh, biển cảnh báo, vị trí tập kết khẩn nguy, vị trí đỗ biệt lập, hầm hoặc khu vực xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm phù hợp với yêu cầu về bảo đảm an ninh hàng không.

2. Phải đáp ứng các yêu cầu phục vụ việc kiểm tra, soi chiếu, lục soát, giám sát an ninh hàng không đối với người, phương tiện, đồ vật, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và phục vụ truy xét.

3. Trước khi xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, cảng hàng không, sân bay phải được thẩm định thiết kế về các yêu cầu, tiêu chuẩn an ninh hàng không.

Điều 33. Yêu cầu về trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không

1. Trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không phải đầy đủ, thích hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định.

2. Trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất; đáp ứng các tiêu chuẩn được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận về công nghệ và an toàn đối với sức khỏe con người.

3. Đối với chuyến bay quốc tế, thiết bị soi chiếu được sử dụng chung giữa soi chiếu an ninh hàng không và soi chiếu hải quan.

4. Đơn vị quản lý sử dụng trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không phải xây dựng, ban hành tài liệu khai thác, bảo dưỡng; duy trì đầy đủ tiêu chuẩn áp dụng, tính năng kỹ thuật của trang bị, thiết bị, phương tiện.

5. Hình ảnh của camera, máy soi tia X phải được quản lý, lưu giữ thích hợp phục vụ cho việc truy xét trong trường hợp cần thiết. Hồ sơ, nhật ký khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm an ninh hàng không phải được quản lý, lưu giữ và xuất trình khi có yêu cầu.

Chương VI **KINH PHÍ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG**

Điều 34. Nguyên tắc bố trí kinh phí

Kinh phí cho công tác bảo đảm an ninh hàng không được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, kinh phí doanh nghiệp, nguồn thu từ dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN** **TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG**

Điều 35. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia

1. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành về bảo đảm an ninh hàng không.

2. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác bảo đảm an ninh hàng không; tổ chức định kỳ đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không; chỉ đạo hoàn thiện, nâng cấp hệ thống bảo đảm an ninh hàng không; chỉ đạo thực hiện Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc phát sinh giữa các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3. Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia cấp thẻ cho thành viên Ủy ban, giấy phép cho phương tiện của Ủy ban để sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ. Phương tiện thực hiện nhiệm vụ được ưu tiên, miễn các loại phí, giá khi tham gia giao thông đường bộ và hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 36. Bộ Giao thông vận tải

1. Thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh cho hoạt động hàng không dân dụng; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của điều ước quốc tế về an ninh hàng không mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không thực hiện công tác bảo đảm an ninh hàng không, cụ thể:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; tổ chức, vận hành hệ thống giám sát, quản lý, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; phê duyệt, chấp thuận chương trình, quy chế an ninh hàng không; tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

b) Thiết lập hệ thống báo cáo, thu thập thông tin, phân tích và đánh giá sự cố, nguy cơ đe dọa đến an ninh hàng không; quyết định áp dụng các biện pháp, quy trình, thủ tục phòng ngừa an ninh hàng không phù hợp với nguy cơ đe dọa;

c) Xây dựng, huấn luyện, diễn tập, tổ chức thực hiện phương án khẩn nguy sân bay, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

d) Công tác báo cáo, xử lý, khắc phục, điều tra, xác minh các vụ việc vi phạm, uy hiếp an ninh hàng không, sự cố an ninh hàng không; ban hành các khuyến cáo, chỉ thị cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự cố an ninh hàng không;

đ) Thực hiện các biện pháp khẩn cấp bảo đảm an ninh hàng không, phục vụ an ninh, quốc phòng, khẩn nguy quốc gia.

4. Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động bảo đảm an ninh hàng không.

5. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan trong công tác bảo vệ an ninh, quốc phòng, phòng, chống khủng bố và giữ gìn trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Bộ Công an

1. Chủ trì thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, phòng, chống khủng bố liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng. Định kỳ và đột xuất trao đổi, cung cấp, đánh giá thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của bọn khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cho Bộ Giao thông vận tải.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị công an liên quan phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; đánh giá rủi ro và mức độ, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không; quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh; bảo vệ an ninh nội bộ, hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không.

3. Xây dựng phương án bảo vệ, thực hiện phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở của ngành hàng không. Tiếp nhận, xử lý tội phạm và các vụ việc vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định pháp luật.

4. Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm. Xây dựng lực lượng an ninh trên không. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, hướng dẫn về mặt nghiệp vụ bảo vệ an ninh quốc gia cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không; nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy của ngành hàng không dân dụng.

Điều 38. Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì quản lý, bảo vệ vùng trời quốc gia; phòng, chống hành vi sử dụng tên lửa vắc vai nhằm vào tàu bay dân dụng. Định kỳ hoặc đột xuất trao đổi, cung cấp, đánh giá thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của bọn khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cho Bộ Giao thông vận tải.

2. Xây dựng phương án bảo vệ, thực hiện phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội tại sân bay dùng chung.

3. Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, hướng dẫn về mặt nghiệp vụ bảo vệ an ninh quốc phòng cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quân đội liên quan phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; đánh giá rủi ro và mức độ, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không.

Điều 39. Bộ Tài chính

Chỉ đạo các đơn vị Hải quan tại các cảng hàng không quốc tế phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong quá trình kiểm tra, kiểm soát hành lý, hàng hóa, bưu gửi để phát hiện, ngăn chặn vật phẩm nguy hiểm đưa trái phép lên tàu bay và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 40. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế tiền lương phù hợp cho các đối tượng là công chức, viên chức chuyên trách và kiêm nhiệm hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực đảm bảo an ninh hàng không.

Điều 41. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay, công trình, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động hàng không dân dụng

1. Phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội tại địa bàn; tiếp nhận, xử lý tội phạm và các vụ việc vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định pháp luật.

2. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong việc chống hành vi sử dụng tên lửa rác vai tấn công tàu bay dân dụng. Triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm.

3. Tuyên truyền, vận động nhân dân tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2015.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 81/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về an ninh hàng không dân dụng; Nghị định số 51/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2010/NĐ-CP về an ninh hàng không dân dụng.

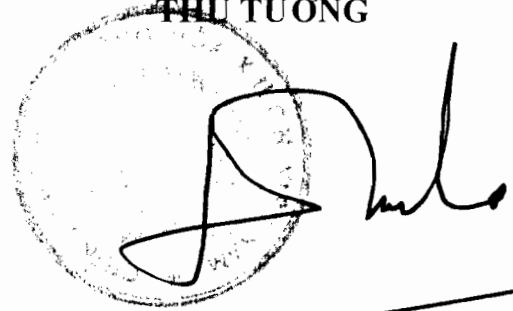
Điều 43. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b). M 240

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng